

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 67/2020/HSST

Ngày 30/11/2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Chiến

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Hằng.
2. Ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: bà Võ Thị Hương Trà– Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên toà: ông Dương Minh Xuân– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2020/HSST ngày 11/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/HSST- QĐ ngày 17/11/2020 đối với bị cáo:

Võ Thị Hồng L- sinh năm 1982, tại: huyện N, tỉnh Khánh Hòa. Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: buôn bán. Trình độ học vấn: lớp 6/12. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Con ông Võ Ngọc T, sinh năm 1957 và con bà Hồ Thị N, sinh năm 1958. Đã có chồng là Phạm Tấn C (ly hôn) và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2007). Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: chưa có án tích và chưa bị xử phạt hành chính. Bị bắt quả tang và bị tạm giữ ngày 27/8/2020, đến ngày 04/9/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang tại ngoại- có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: ông Nguyễn Đình Đ, trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Lê Thị C, sinh năm 1980 và ông Trần Trọng T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: thôn Q 1, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: đều có mặt.

Bà Trần Thị H, sinh năm 1987. Nơi cư trú: thôn 13, thị trấn N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

- **Người làm chứng:** anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1992. Nơi cư trú: thôn Q 1, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

Ông Hoàng Thanh P, sinh năm 1981. Nơi cư trú: thôn 15, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 27/8/2020, anh Nguyễn Văn C và ông Hoàng Thanh P đến quán cà phê M do Võ Thị Hồng L làm chủ quán, để uống nước. Trong lúc ngồi uống nước, C hỏi L để mua dâm, do việc bán quán cà phê ế ẩm nên L đồng ý bán dâm để kiếm thêm thu nhập. L dùng điện thoại nhãn hiệu Nokia, màu đen gắn sim 0368.433.874 gọi điện thoại đến số 0867.105.547 cho Trần Thị H nói “*Xuống đây đi khách với chị mỗi đứa 250.000^d, chị trả tiền mỗi phòng 50.000^d, còn lại mỗi đứa 200.000^d*” thì H đồng ý đi bán dâm. Gọi điện thoại cho H xong, L nói với C giá đi bán dâm một lần một người là 250.000^d hai người là 500.000^d, tiền phòng L trả thì C đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong C và P góp mỗi người 250.000^d rồi C đưa cho L số tiền 500.000^d và hẹn 13 giờ chiều đến nhà nghỉ H để thực hiện việc mua bán dâm.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, L đi đến nhà nghỉ H ở thôn Q 1, xã T, huyện K, do vợ chồng bà Lê Thị C làm chủ, trên đường đi L gọi điện thoại nói H đến nhà nghỉ H. Khi đến nơi, L gặp bà C hỏi thuê hai phòng, bà C hỏi L thuê phòng nghỉ bao lâu thì L nói nghỉ một tiếng, bà C nói giá thuê một phòng 50.000^d, hai phòng là 100.000^d, L lấy tờ tiền mệnh giá 500.000^d lúc sáng C đưa rồi đưa cho bà C, bà C trả lại tiền dư cho L bốn tờ, mỗi tờ mệnh giá 100.000^d và yêu cầu L đưa chứng minh nhân dân để đăng ký phòng, do quên không mang theo nên L nói với bà C lúc nữa bạn em đến sẽ đưa, bà C nói L xuống phòng VIP 09 và VIP 10. Khoảng 05 phút sau, H đến bà C có hỏi đi với ai thì H nói đi với L nên bà C yêu cầu H đưa chứng minh nhân dân để đăng ký phòng. Sau khi đưa chứng minh nhân dân cho bà C, H xuống gặp L thì L đưa cho H 02 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 100.000^d, 02 tờ tiền mệnh giá 100.000^d còn lại thì L cất giữ trong người. Lúc này, P và C đến nên H và P vào phòng VIP 09, còn L và C vào phòng VIP 10, để quan hệ tình dục. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc H và P, L và C đang quan hệ tình dục thì bị Công an huyện Ea Kar phối hợp với Công an xã T bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm:

- Thu giữ tại phòng VIP 09: 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu OK màu cam đã bị xé rách.

- Thu giữ của Võ Thị Hồng L số tiền 200.000^d và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model TA-1017 màu đen cùng sim số 0368.433.874.

- Thu giữ của Trần Thị H số tiền 200.000^d và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips, model E103 màu đen cùng sim số 0867.105.547.

- Thu giữ của bà Lê Thị C số tiền 500.000^d và 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị H.

Quá trình điều tra, Công an huyện Ea Kar đã trả cho bà Lê Thị C số tiền 400.000^d và trả cho Trần Thị H 01 chứng minh nhân dân là chủ sở hữu hợp pháp do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với hành vi mua dâm của Nguyễn Văn C và Hoàng Thanh P; Hành vi bán dâm của Trần Thị H và bị cáo L (đối với hành vi trực tiếp bán dâm cho C) đã bị Công an huyện Ea Kar Quyết định xử phạt hành chính. Đối với bà Lê Thị C là chủ nhà nghỉ H, sau khi nghỉ ngơi có hoạt động mua bán dâm nên đã báo cho cơ quan chức năng, do đó Công an huyện Ea Kar không xử phạt hành chính là phù hợp.

- Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Do buôn bán ế ẩm muốn có thêm thu nhập nên vào ngày 27/8/2020, ngoài việc bị cáo trực tiếp bán dâm thì bị cáo còn có hành vi nhận tiền, môi giới cho Trần Thị H bán dâm cho Hoàng Thanh P với số tiền 250.000^d (hai trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng bị cáo không được hưởng lợi từ việc môi giới này. Quá trình thực hiện việc mua bán dâm thì bị Công an huyện Ea Kar bắt quả tang.

- Quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H khai nhận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 27/8/2020, bị cáo L sử dụng số điện thoại 0368433874 gọi đến cho tôi số điện thoại là 0867105547, nói xuống đây đi khách với chị, mỗi đứa 250.000^d, chị trả tiền phòng 50.000^d, còn mỗi đứa được 200.000^d, tôi đồng ý bán dâm. Vào 13 giờ cùng ngày, bị cáo L điện thoại cho tôi nói đến nhà nghỉ H để bán dâm, tôi đón xe thò đến. Bà C chủ nhà nghỉ yêu cầu tôi đưa chứng minh nhân dân để đăng ký phòng, tại đây bị cáo L đưa cho tôi 02 tờ tiền, mỗi tờ mệnh giá 100.000^d, tổng cộng là 200.000^d. Tôi và P vào phòng Vip 9 để quan hệ tình dục, khi đang quan hệ tình dục thì bị Công an bắt quả tang. Xác định chiếc điện thoại bị thu giữ là số sim và điện thoại là tài sản của tôi và bị cáo L gọi đến để trao đổi việc bán dâm.

- Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vợ chồng bà Lê Thị C trình bày: khoảng 13 giờ 10 phút ngày 27/8/2020, bị cáo L đến thuê hai phòng nghỉ Vip 9 và Vip 10 với giá mỗi phòng là 50.000^d, tổng cộng 100.000^d. Bị cáo L đưa tờ tiền mệnh giá 500.000^d, tôi trả lại cho bị cáo 4 tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 100.000^d. Do bị cáo không mang chứng minh nhân dân nên khi Trần Thị H đến thì tôi có yêu cầu đưa chứng minh nhân dân để đăng ký phòng. Tôi nghỉ ngơi có hoạt động mua bán dâm nên báo cơ quan Công an bắt quả tang bị cáo L và Trần Thị H đang bán dâm cho 02 người đàn ông là P và C. Công an huyện Ea Kar lập biên bản phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng, có thu giữ của tôi một tờ tiền mệnh giá 500.000^d, trong đó chỉ có 100.000^d là tiền bị cáo L trả tiền thuê hai phòng, số còn lại là tiền hợp pháp của tôi nên đã được cơ quan Công an huyện Ea Kar trả lại 400.000^d (bốn trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 10/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố bị cáo Võ Thị Hồng L, về tội “Môi giới mại dâm” theo

khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar thực hành quyền công tố luận tội: Hành vi của bị cáo Võ Thị Hồng L đủ yếu tố cấu thành tội môi giới mại dâm nên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Thị Hồng L, phạm tội “Môi giới mại dâm”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự; đề nghị Xử phạt: bị cáo Võ Thị Hồng L: từ 13 (mười ba) tháng đến 16 (mười sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 26 (hai mươi sáu) tháng đến 32 (ba mươi hai) tháng.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a,b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,b,c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 500.000^d (năm trăm nghìn đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model TA-1017 màu đen cùng sim số 0368.433.874 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips, model E103 màu đen cùng sim số 0867.105.547. Đây là số tiền thu lợi bất chính và phương tiện dùng để phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu OK màu cam là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng.

- Chấp nhận việc Công an huyện Ea Kar đã ra trả cho bà Lê Thị C số tiền 400.000^d (bốn trăm nghìn đồng); trả cho Trần Thị H 01 chứng minh nhân dân là chủ sở hữu do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo L khẳng định: Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo thuộc hộ nghèo, có trình độ văn hóa thấp, có điều kiện khó khăn, phải nuôi con nhỏ và là lao động chính trong gia đình và không thu lợi từ việc môi giới mại dâm. Đồng thời bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 328, điểm i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Võ Thị Hồng L đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, lời bào chữa của luật sư và không tranh luận gì thêm.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo Võ Thị Hồng L tỏ thái độ ăn năn và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: vào ngày 27/8/2020, bị cáo L thực hiện hành vi làm trung gian dẫn dắt để Trần Thị H và Hoàng Thanh P thực hiện việc mua dâm, bán dâm với số tiền 250.000^d (hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bởi lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đối với bị cáo Võ Thị Hồng L, về tội “Môi giới mại dâm” theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

1. Người nào làm trung gian dụ dỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Bị cáo là công dân có đủ nhận thức biết rõ trật tự công cộng là khách thể được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi xâm hại đều phải bị trừng trị nghiêm khắc. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây.

[2] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* bị cáo L là người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Hơn nữa, bị cáo thuộc hộ cận nghèo, có điều kiện khó khăn, phải nuôi con nhỏ và là lao động chính. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không có thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài lần phạm tội này bị cáo chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, quy định địa phương. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo yêu cầu áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối với bị cáo là có căn cứ, cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội nên cần chấp nhận.

[3] Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] *Về xử lý vật chứng:*

- Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu OK màu cam là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

- Đối với số tiền 500.000^d (trong đó: 100.000^d bị cáo L đưa cho bà C để thuê phòng nghỉ, 200.000^d thu giữ của bị cáo L, 200.000^d thu giữ của Trần Thị H), đây là số tiền thu lợi bất chính mà có nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model TA-1017 màu đen cùng sim số 0368.433.874 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips, model E103 màu đen cùng sim số 0867.105.547, bị cáo L và Trần Thị H sử dụng liên lạc để thực hiện việc mua dâm, bán dâm nên là phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Xét việc Công an huyện Ea Kar đã giao trả cho bà Lê Thị C số tiền 400.000^d (bốn trăm nghìn đồng) và trả cho Trần Thị H 01 chứng minh nhân dân do không liên quan đến hành vi phạm tội là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6] *Về án phí:* bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: bị cáo Võ Thị Hồng L, phạm tội: “Môi giới mại dâm”.

- Căn cứ điểm khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Xử phạt: Võ Thị Hồng L: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Võ Thị Hồng L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Võ Thị Hồng L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a,b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,b,c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 500.000^d (năm trăm nghìn đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model TA-1017 màu đen cùng sim số 0368.433.874 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Philips, model E103 màu đen cùng sim số 0867.105.547 có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/11/2020 giữa Công an huyện Ea Kar và chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu OK màu cam có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/11/2020 giữa Công an huyện Ea Kar và chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

- Chấp nhận việc Công an huyện Ea Kar đã trả cho bà Lê Thị C số tiền 400.000^d (bốn trăm nghìn đồng); trả cho Trần Thị H 01 chứng minh nhân dân là chủ sở hữu hợp pháp.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Võ Thị Hồng L phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk.
- Vụ giám đốc kiểm tra 1-TAND Tối cao.
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện K..
- Công an huyện Ea Kar.
- Cơ quan THAHS huyện K.
- Bị cáo-đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Phạm Xuân Chiến